



cán zhā

残渣

noun · residue, dregs

Example Sentences

zhè xiē gōng yè cán zhā xū yào tè shū chǔ lǐ
这些工业残渣需要特殊处理。

These industrial residues require special treatment.

bēi zi lǐ yǒu kā fēi cán zhā
杯子里有咖啡残渣。

There are coffee grounds in the cup.

tā bǎ shí wù cán zhā dào jìn le lā jī tǒng
他把食物残渣倒进了垃圾桶。

He poured the food scraps into the trash can.

Trace each character, then write the word on your own.

残	残	残	残	残	残	残	残	残	残	残
残										

渣	渣	渣	渣	渣	渣	渣	渣	渣	渣	渣
渣	渣	渣	渣							